ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1518/QĐ-UBND	*Đại Đồng, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và hỗ trợ tài sản, cây cối hoa màu trồng trên đất hành lang đường ĐT.385 do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi GPMB khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.385 đoạn Km7+750 – Km 16+370 (Dốc Nghĩa - Lương Tài)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội số: số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phần quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 23/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 06/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 30/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 về việc ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai trên địa bàn

tỉnh Hưng Yên; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 1711/QĐ-UBND ngày 08/8/ về việc phê duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 đoạn Km7+750-KM16+370 (Dốc Nghĩa - Lương Tài); số 2255/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐT.385 đoạn Km7+750 – Km 16+370 (Dốc Nghĩa – Lương Tài); 2296/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh duyệt dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 đoạn Km7+750-KM16+370 (Dốc Nghĩa - Lương Tài);

Căn cứ Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 14/10/2021 của UBND huyện Văn Lâm về việc kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 đoạn Km7+750-Km16+370 (Dốc Nghĩa – Lương Tài);

Căn cứ Biên bản xét duyệt nguồn gốc đất đai, thời điểm hình thành tài sản, cây trồng trên đất ngày 05/10/2026 của Hội đồng xét duyệt đất đai;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất từ số 496/TB-UBND đến số 498/TB-UBND ngày 06/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 đoạn Km7+750-Km16+370 (Dốc Nghĩa – Lương Tài);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình 363/TTr-KT ngày 27/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đất hành lang đường ĐT.385 (ông Nguyễn Văn Bần và bà Nguyễn Thị Hậu đang sử dụng có tài sản, cây trồng trên đất*)* khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT.385 đoạn Km7+750-Km16+370 (Dốc Nghĩa – Lương Tài) như sau:

1. Diện tích đất bồi thường, hỗ trợ: **76,43 m^2** *(Bằng chữ: Bảy mươi sáu phẩy bốn mươi ba mét vuông)* đất hành lang giao thông.

2. Số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **0 đồng** *(Bằng chữ: Không đồng)*.

(Căn cứ theo Khoản 10 Điều 26 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)

(Có phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết kèm theo)

3. Hỗ trợ tài sản, cây trồng trên đất hàng lang đường ĐT.385 của hộ gia đình đang sử dụng:

- Số tiền hỗ trợ: **4.419.840 đồng** *(Bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm mười chín nghìn, tám trăm bốn mươi đồng*)

(Có phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết kèm theo)

- Thời gian chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ là 30 ngày kể từ ngày phương án bồi thường, hỗ trợ được Chủ tịch UBND xã Đại Đồng phê duyệt.

- Địa điểm chi trả tiền tại trụ sở UBND xã Đại Đồng hoặc địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Văn phòng HĐND-UBND xã chủ trì, phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã thực hiện việc niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND xã Đại Đồng và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; giao quyết định này cho các ông (bà): ông Nguyễn Văn Bần và bà Nguyễn Thị Hậu.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện chi trả tiền hỗ trợ theo quy định.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của xã Đại Đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã; Các cơ quan đơn vị có liên quan và người sử dụng đất nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Chuẩn

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT DO UBND XÃ QUẢN LÝ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐT.385 ĐOẠN TỪ KM7+750-KM16+370 (DỐC NGHĨA – LƯƠNG TÀI)

(Kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 29/ 10 /2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng)

1. Hỗ trợ quỹ đất công ích do UBND xã quản lý

TT	Người sử dụng đất	Tờ BĐ số	Thửa đất số	Diện tích thu hồi	Loại đất	Đơn giá bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Ông Nguyễn Văn Bần và bà Nguyễn Thị Hậu	32 (chỉnh lý thành tờ bản đồ số 100	133	20,04	Đất hành lang giao thông	0	0
2		32 (chỉnh lý thành tờ bản đồ số 100	134	24,98	Đất hành lang giao thông	0	0
3		33 (chỉnh lý thành tờ bản đồ số 101	136	31,41	Đất hành lang giao thông	0	0
				76,43			**0**

STT	Số tờ bản đồ trích lục	Số thửa theo trích lục	Diện tích thu hồi (m2)	Bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu						Số cây trong mật độ	Số cây vượt mật độ	Thành tiền trong mật độ	Thành tiền vượt mật độ	Tỷ lệ BTHT (%)	Thành tiền (đ)
				BTHT tài sản vật kiến trúc	BTHT cây cối, hoa màu	SL	Đơn vị tính	Quy cách đặc điểm	Đơn giá (đ)						
1															**4.419.840**
	100	Hành lang GT giáp thửa 133 và 134	**45,02**												
				Tường rào xây gạch chỉ 110, vữa xi măng M50 cao 1,9m dài 11,6m và 2,3m		2,9051	m3	Tường xây gạch chỉ 110, vữa xi măng M50	2.300.645	2,9051		6.683.603	0	0%	-
					Cây Nhãn	3	Cây	7cm ≤ ĐK gốc < 12cm	2.700.000	2	0	5.400.000	0	80%	4.320.000
					Cây hoa sữa	4	Cây	25cm< ĐK ≤	520.000	0	1	0	124.800	80%	99.840

								40cm							
					Cây hoa sữa	5	Cây	15cm< ĐK ≤ 25cm	378.000	0	0	0	0	80%	0
					Cây bàng	1	Cây	40cm< ĐK ≤ 60cm	710.000	0	0	0	0	80%	0
					Nhãn giống					0	0	0	0	50%	0
	101	Hành lang GT giáp thửa 136	**31,41**												
				Mái đua mái vẩy lợp tôn, kèo thép kích thước 8,7x4,5		39,15	m3	Mái đua mái vảy lợp tôn nồi với công trình chính	628.679	39,15		24.612.783	0	0%	-
				- Sân BTXM kích thước 8,5*4,9m dày 10cm		41,65	m2	Sân bê tông M200	327.172	41,65		13.626.733	0	0%	-

				Cửa sắt KT 8,5*5,0		42,5	m2	VD Cửa song sắt	1.356.365	42,5		57.645.508	0	0%	-